

ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CAO SU THIÊN NHIÊN

TS. NGUYỄN HỮU KHẢI
Đại học Ngoại thương

1. Định hướng sản xuất và xuất khẩu cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới

Trong nhiều thập kỷ qua, sản xuất và xuất khẩu cao su đã góp phần làm tăng thu nhập cho nhiều quốc gia đặc biệt là những nước đang phát triển vùng nhiệt đới. Mặt khác, cao su còn là mặt hàng nguyên liệu quan trọng phục vụ cho một số ngành công nghiệp quan trọng, góp phần đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ trên thế giới. Chính do tầm quan trọng như vậy nên mậu dịch về mặt hàng cao su trong những năm qua luôn sôi động.

Sản lượng cao su trên thế giới tiếp tục tăng, năm 2000 đạt 6,6 triệu tấn; dự kiến đạt 7,18 triệu tấn vào năm 2005 và năm 2010 sẽ đạt khoảng 7,9 triệu tấn, trong đó châu Á chiếm khoảng 90-95% sản lượng. Theo dự báo của ARNPC, sản xuất cao su đến năm 2010 của các nước thành viên như sau: Thái Lan đạt 2.500 nghìn tấn, Indonesia đạt 2.219 nghìn tấn, Malaysia đạt 1.000 nghìn tấn, Ấn Độ đạt 914 nghìn tấn và Việt Nam đạt 400 nghìn tấn.

Dự báo đến năm 2010 nhu cầu tiêu thụ cao su của thế giới tăng khoảng 2,2%/năm. Năm 2000, tiêu thụ cao su của các nước là 6,45 triệu tấn, thì đến năm 2005 sẽ khoảng 7,12 triệu và 2010 là 7,89 triệu tấn. Trong đó, nhu cầu nhập khẩu năm 2000 là 5,2 triệu tấn; năm 2005 sẽ là 5,6 triệu tấn; năm 2010: 6,2 triệu tấn, số còn lại là tiêu thụ nội địa.

Hoa Kỳ tiếp tục là nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới, đến năm 2005 nhu cầu của nước này sẽ là 1,2 triệu tấn; Nhật Bản sẽ nhập 900 nghìn tấn do nhu cầu nội địa về lốp xe sản xuất bằng cao su tự nhiên tăng. Trung Quốc và Hiệp hội Cao su thiên nhiên quốc tế đang có thỏa thuận về thị trường cao su thế giới, nên sau năm 1999 nhu cầu của nước này đã tăng, do lượng dự trữ của họ đã hết. Các nước châu Á hiện nay có mức tăng về cầu lớn 3,3%/năm tương đương với 3,1 triệu tấn/năm. Vì vậy mức nhập khẩu của các nước này sẽ tăng 3,1%/năm (2,1 triệu tấn/năm). Song diễn biến về giá có nhiều phức tạp, hiện nay đang ở mức thấp, chính phủ các nước đã bắt đầu có sự can thiệp như chính phủ Malaysia, chính phủ Thái Lan...

Việt Nam sau nhiều năm xây dựng và phát triển, ngành cao su đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể và trở thành ngành mũi nhọn của nông nghiệp nước nhà. Kim ngạch xuất khẩu luôn đứng vị trí thứ 1,2 trong nhóm cây công nghiệp và từ thứ 2 đến thứ 4 trong xuất khẩu nông sản. Mủ cao su không chỉ phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp trong nước mà đã trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Nhận thức rõ tầm quan trọng của cây cao su, ngành cao su Việt Nam đã đệ trình lên Thủ tướng Chính phủ một tổng quan phát triển của ngành cao su Việt Nam đến năm 2005 và 2010, đã được phê

duyet ngày 5/2/1996, trong đó đề ra những định hướng về sản xuất cao su Việt Nam đến năm 2005 và năm 2010.

2. Định hướng sản xuất và xuất khẩu cao su thiên nhiên của Việt Nam đến năm 2010

a. Định hướng sản xuất cao su thiên nhiên

**Diện tích cao su*

Sản xuất cao su Việt Nam đến năm 2010 được tiến hành theo 2 hai phương án và diện tích cao su được bố trí như sau:

Bảng 1 - Dự kiến diện tích cao su đến năm 2010

Đơn vị : ha

| Vùng | Phương án I | | Phương án II | |
|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | Năm 2000 | Năm 2010 | Năm 2000 | Năm 2010 |
| Đông Nam Bộ | 230.000 | 270.000 | 250.000 | 500.000 |
| Tây Nguyên | 90.000 | 180.000 | 160.000 | 330.000 |
| Trung Bộ | 30.000 | 50.000 | 40.000 | 70.000 |
| Tổng cộng | 350.000 | 500.000 | 450.000 | 700.000 |

Nguồn: Tổng quan phát triển của ngành cao su Việt Nam đến năm 2005 và 2010 đã được phê duyệt ngày 5/2/1996

Trong phương án I, cao su tư nhân và tiểu điền đều chiếm tỷ trọng 80%, phương án II chiếm tỷ trọng 50%, bình quân phương án I phải trồng mới 15.000 ha và ở phương án II là 35.000 ha. Để thực hiện định hướng này, từ nay đến năm 2010 phấn đấu đạt diện tích vườn cây cao su là 500.000 ha; diện tích 700.000 ha là quy mô khung của cao su Việt Nam.

** Năng suất và sản lượng cao su*

Năng suất cao su Việt Nam ở mức 10-11 tạ/ha thấp hơn nhiều so với các nước sản xuất cao su chính như Thái Lan, Malaysia, Indonesia. Dự kiến đến năm 2010, năng suất cao su bình quân cả nước đạt 15 tạ/ha và sản lượng cao su vào năm 2010 đạt 400.000 tấn, đạt tỷ trọng trong sản xuất nông

nghiệp là 5,9-6,2%, giữ vị trí từ thứ 4 đến thứ 5 thế giới.

** Chế biến cao su*

- Chế biến mủ cao su:

Mục tiêu của ngành công nghiệp sơ chế mủ cao su là tạo ra sản phẩm có chất lượng và đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời với việc đầu tư mới cho các cơ sở sản xuất hiện đại, cần phát triển

các xưởng sản xuất nhỏ với các loại sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Để đảm bảo cho mủ được khai thác từ vườn cây được sơ chế hết, công suất thiết kế các nhà máy phải cao hơn nhu cầu sơ chế từ 10-20%. Dự kiến bố trí việc xây dựng thêm các nhà máy ở các vùng sau:

Bảng 2 - Dự kiến xây dựng các nhà máy chế biến cao su năm 2010

Đơn vị: Nhà máy

| Vùng | Số nhà máy | |
|-------------|-------------|--------------|
| | Phương án I | Phương án II |
| Khu Bốn cũ | 9 | 14 |
| DH Trung bộ | 5 | 7 |
| Tây Nguyên | 7 | 12 |
| Đông Nam Bộ | 17 | 17 |
| Cộng | 38 | 50 |

Nguồn : Tổng quan phát triển cao su Việt Nam – Viện Quy hoạch và thiết kế Nông nghiệp.

Ngoài việc xây dựng mới cần tích cực cải tạo, nâng cấp và tận dụng hết công suất các nhà máy hiện có để giảm bớt các chi phí đầu tư. Ước tính tổng công suất thiết kế của các nhà máy và các xưởng sơ chế năm 2000 đạt 240.000-250.000 tấn, 2005 đạt 338-386.000 tấn, 2010 đạt 400.000-450.000 tấn. Mặt khác, cần quan tâm đến việc lựa chọn thiết bị công nghệ phù hợp cho từng giai đoạn, hoàn thiện từng cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến và bảo đảm chất lượng nguyên liệu.

- Công nghiệp chế biến sản phẩm cao su:

Cần phải thu hút sự đầu tư của nước ngoài nhằm tiếp cận với công nghệ tiên tiến, hiện đại và thị trường tiêu thụ cũng như nhãn hiệu sản phẩm để mang lại sức cạnh tranh cho các sản phẩm cao su của nước ta... Đến năm 2000, cố gắng phấn đấu đạt 40.000 tấn sản phẩm và năm 2005 khoảng 70.000 tấn, năm 2010 đạt 120.000 tấn.

Bảng 3 - Dự kiến sản lượng sản phẩm cao su 2010

Đơn vị: 1000 tấn

| Loại sản phẩm | 1995 | 2000 | 2005 | 2010 |
|--------------------------|-----------|-----------|-----------|------------|
| Sản phẩm nhúng và cô đặc | 5 | 8 | 12 | 18 |
| Cao su kỹ thuật | 12 | 20 | 40 | 70 |
| Săm lốp | 0,5 | 1 | 2 | 5 |
| Giấy dếp các loại | 7 | 10 | 14 | 22 |
| Sản phẩm khác | 0,5 | 1 | 2 | 5 |
| Tổng cộng | 25 | 40 | 70 | 120 |

Nguồn: Tổng quan phát triển của ngành cao su Việt Nam đến năm 2005 và 2010 đã được phê duyệt ngày 5/2/1996

b. Định hướng xuất khẩu cao su thiên nhiên

Định hướng xuất khẩu cao su của Việt Nam

** Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu*

Hiện nay nhu cầu tiêu thụ cao su nguyên liệu (mủ cao su) trong nước chỉ chiếm gần 20%, còn lại là xuất khẩu. Năm 1998, Việt Nam xuất khẩu 190.000 tấn cao su, đạt kim ngạch 134 triệu USD. Trong khi đó phải sử dụng hàng triệu đô la để nhập khẩu các sản phẩm làm từ cao su như vỏ ruột xe hơi, xe gắn máy, xe đạp... Năm 2000, chúng ta chỉ xuất khẩu 50% cao su nguyên liệu, còn lại để làm nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp trong nước và sẽ xuất nhiều sản phẩm làm từ cao su. Dự kiến năm 2005 sẽ xuất 210.000 tấn mủ cao su và năm 2010: 250.000 tấn. Kim ngạch xuất khẩu cao su nguyên liệu ước tính đạt khoảng 500 triệu USD.

** Thị trường và giá xuất khẩu:*

Trong những năm qua Trung Quốc là thị trường tiêu thụ cao su nguyên liệu lớn nhất của Việt Nam. Trong thời gian tới vẫn có triển vọng tiêu thụ nhiều cao su của chúng ta khi lượng cao su thiên nhiên dự trữ đã hết, họ phải nhập khẩu để phục vụ cho thị trường nội địa, đặc biệt là ngành sản xuất săm lốp xe đạp, xe máy phục vụ cho nhu cầu giao thông của họ với khối lượng lớn. Mặt khác nếu Việt Nam chuyển sang buôn bán cao su chính ngạch, hạn chế sự phụ thuộc vào thị trường mậu biên nhiều rủi ro trong thanh toán thì đây có thể là thị trường tiêu thụ nhiều tiềm năng của Việt Nam. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, một trong những thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất và khá bền vững, có thể trở thành bạn hàng lớn của Việt Nam với việc Việt Nam tham gia vào AFTA và triển vọng ký Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ. Ngoài ra kinh tế của các nước SNG và Đông Âu - thị trường quen thuộc để chấp nhận cao su chất lượng thấp của Việt Nam, đang phục hồi và

phát triển trở lại, mở ra những khả năng mới cho xuất khẩu cao su Việt Nam.

Giá cao su thế giới trong nhiều năm gần đây đều giảm trong khi đó giá cao su xuất khẩu của chúng ta thường lại thấp hơn giá quốc tế từ 15-20%. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của người sản xuất và xuất khẩu, chúng ta cần chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm cao su thiên nhiên như phương án trên đã trình bày, cố gắng nhích dần đến giá quốc tế.

Để thực hiện thành công định hướng về phát triển mặt hàng cao su thiên nhiên xuất khẩu ở Việt Nam, những năm tới chúng ta cần chú trọng vào nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa mặt hàng, cần tạo điều kiện bằng những **biện pháp** sau:

Tự do hóa hơn nữa, mở rộng quyền kinh doanh cho các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, từ đó tăng khả năng thích ứng nhanh, tạo lập môi trường cạnh tranh năng động, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế.

- Đề nghị nhà nước chính thức công nhận quyền kinh doanh xuất khẩu của các cá nhân.

- Cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quyền xuất khẩu hàng hóa trong đó có cao su như các doanh nghiệp Việt Nam.

- Tiến hành minh bạch, bình đẳng và phổ biến rộng rãi các khoản ưu đãi dành cho sản xuất và xuất khẩu cho tất cả các nhà đầu tư.

- Nên đưa cao su vào trong cơ cấu mặt hàng trọng điểm để đề xuất chính sách khuyến khích đầu tư.

- Rà soát lại để cắt giảm chi phí đầu vào cho sản xuất và xuất khẩu nói chung và đối với mặt hàng cao su nói riêng, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng Việt Nam đặc biệt khi chung ta đang chuẩn bị thực hiện AFTA.

Tăng cường phát huy các biện pháp đòn bẩy kinh tế hỗ trợ về tài chính, tín dụng trong xuất khẩu, áp dụng 1 cách có chọn lọc như đảm bảo các nguyên tắc của WTO và AFTA. Chú trọng áp dụng các dạng nằm trong trợ cấp màu xanh lá cây.

- Củng cố và mở rộng chức năng cho các tổ chức cấp tín dụng hỗ trợ xuất khẩu. Chú trọng đến tín dụng xuất khẩu cho xuất khẩu nông sản.

- Điều chỉnh lại chính sách thuế theo hướng tăng cường hàm lượng nội địa hóa sản phẩm. Giảm chi phí qua thuế cho lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu nông sản nói chung và xuất khẩu cao su nói riêng.

- Có chính sách ưu tiên về vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho các trang trại trồng các cây công nghiệp đang ở thời kỳ 3 năm đầu xây dựng cơ bản.

Nâng cao hiệu quả của công tác xúc tiến thương mại, nâng cao kỹ thuật và văn hóa trong hoạt động ngoại thương.

- Tiến hành các chương trình xúc tiến thương mại có trọng điểm.

- Đẩy mạnh liên kết xúc tiến thương mại giữa các địa phương, thông qua các hiệp hội ngành hàng.

- Nâng cao ý thức phát triển thương hiệu hàng hóa để bảo đảm quyền sở hữu đối với mặt hàng xuất khẩu.

Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ ngoại thương và khả năng giao tiếp trực tiếp bằng tiếng nước ngoài.

Trong những năm vừa qua thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam chủ yếu là Trung Quốc, theo nhiều phương thức khác nhau, nhưng chủ yếu là hàng đổi hàng. Cơ sở pháp lý điều chỉnh cơ bản dựa trên những thông lệ biên giới có từ trước, mà không dựa vào những quy định quốc tế. Nhưng thời gian tới theo xu hướng quốc tế hoá, chắc chắn Việt Nam sẽ sớm trở thành thành viên của Tổ chức thương mại Thế giới, buôn bán với các nước thành viên sẽ chiếm thị phần đáng kể, đòi hỏi từng doanh nghiệp, từng cá nhân phải có trình độ nhất định về kinh tế thế giới nói chung và kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng. Do vậy, công tác đào tạo luôn phải được coi trọng trên cả phương diện nhà nước, ngành, địa phương, doanh nghiệp và đối với từng cá nhân tham gia vào hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Cây cao su thiên nhiên đã xuất hiện từ lâu ở Việt Nam, song sản xuất mới mang tính chất tự phát. Chỉ từ khi đất nước giải

phóng, sản xuất và xuất khẩu cao su thiên nhiên mới mang tính chất của nền kinh tế hàng hóa. Những năm qua có nhiều lúc thăng trầm, nhưng ngành cao su Việt Nam vẫn không ngừng phát triển: năm 2003 xuất khẩu cao su đạt 450.000 tấn với kim ngạch 395 triệu USD, đứng thứ 2 trong nhóm nông sản xuất khẩu. Mặc dù còn nhỏ bé so với tiềm năng và những mặt hàng xuất khẩu khác, nhưng đã có mặt ở hàng chục thị trường các nước trên thế giới, góp phần mở rộng quan hệ kinh tế kỹ thuật với nước ngoài, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Cây cao su thiên nhiên đã và đang góp phần giải quyết hàng chục ngàn lao động, hàng năm đóng góp vào ngân sách nhà nước hàng chục triệu USD. Chắc chắn trong những năm đầu thế kỷ 21, cao su cùng với những cây công nghiệp khác sẽ góp phần không nhỏ vào việc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp nông thôn Việt Nam nói riêng và CNH, HĐH Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng quan phát triển của ngành cao su Việt Nam đến năm 2005 và 2010 đã được phê duyệt ngày 5/2/1996.
2. Tổng quan phát triển cao su Việt Nam – Viện Quy hoạch và thiết kế Nông nghiệp.
3. Tình hình thương mại tháng 12, cả năm và kế hoạch thương mại năm 2004.
4. www.agroviat.gov.vn.
5. www.mot.gov.vn.